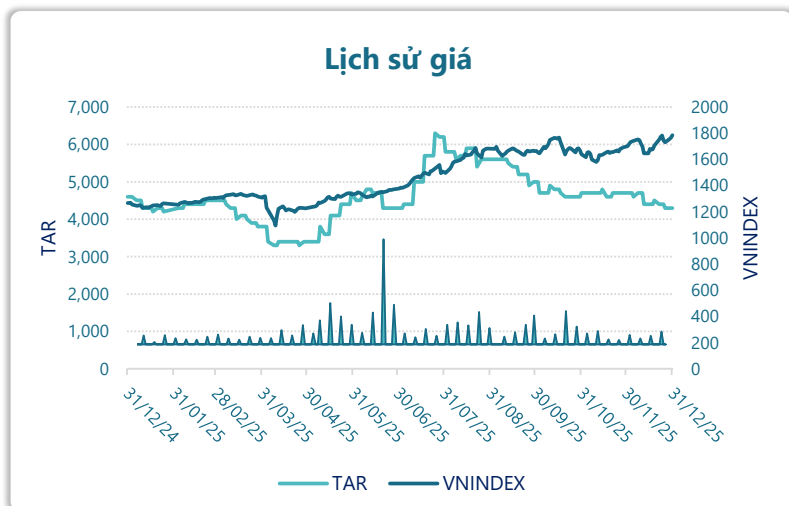


CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (UPCOM: TAR)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	78,319,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	22,455
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	337
P/E	-35.2
EPS	-122

DT thuần
Q4/25

673

tỷ VNĐ

QoQ: ▼277| -29.2%

YoY: ▲ 191| 39.6%

LN sau thuế
Q4/25

10.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.84| 275%

YoY: ▲ 32.0| 150%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

2.7%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần
2025

2,669

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,567| -37.0%

LN sau thuế
2025

-8.42

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.7| 85.5%

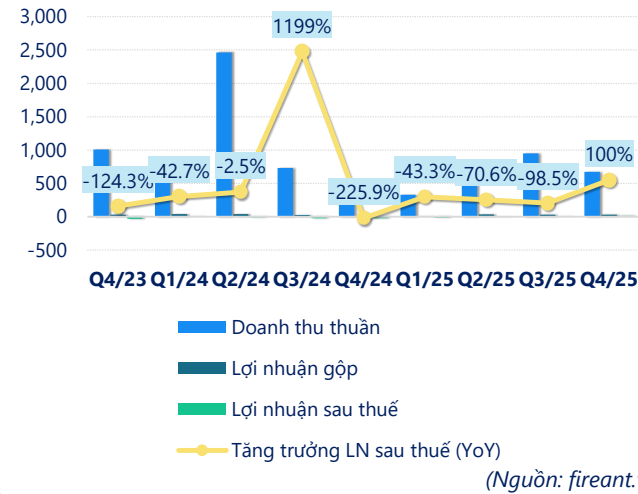
ROE
2025

-0.8%

+/- YoY: ▲ 4.1%

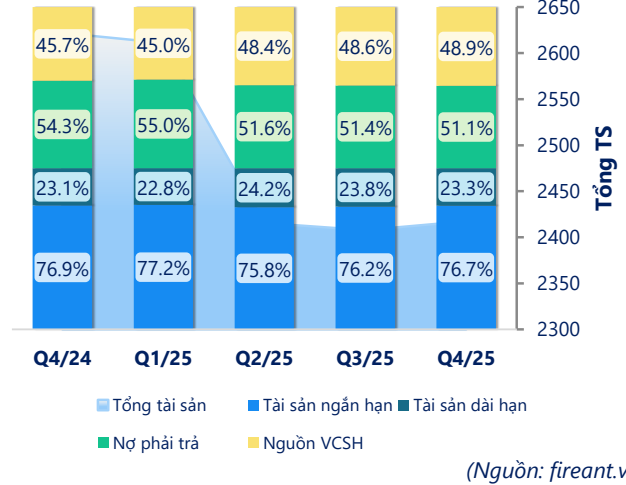
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

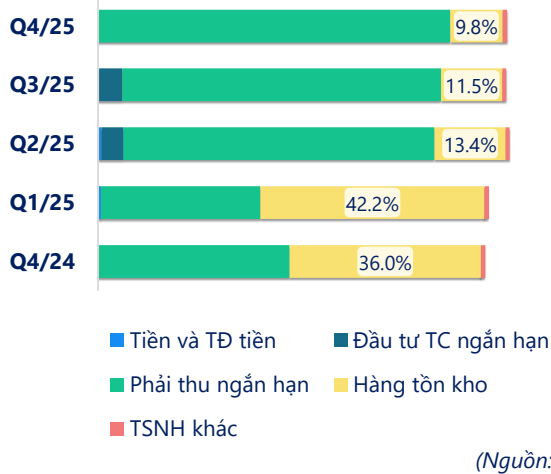


Cơ cấu Tổng tài sản

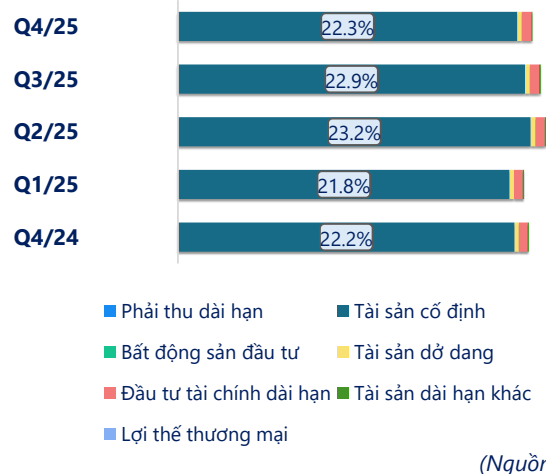
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

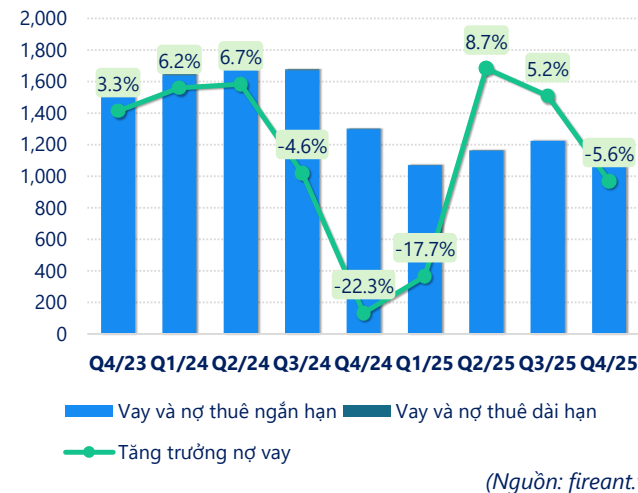


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



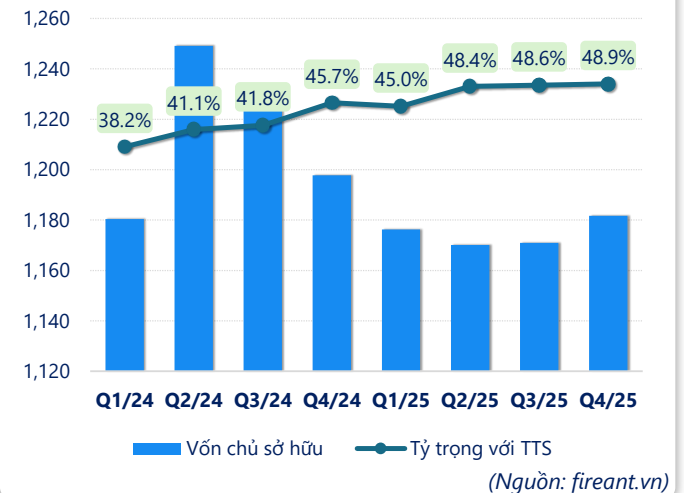
tỷ VNĐ

Nợ vay

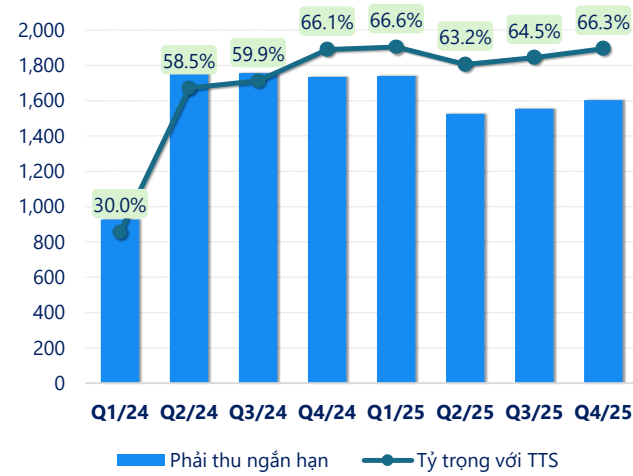


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

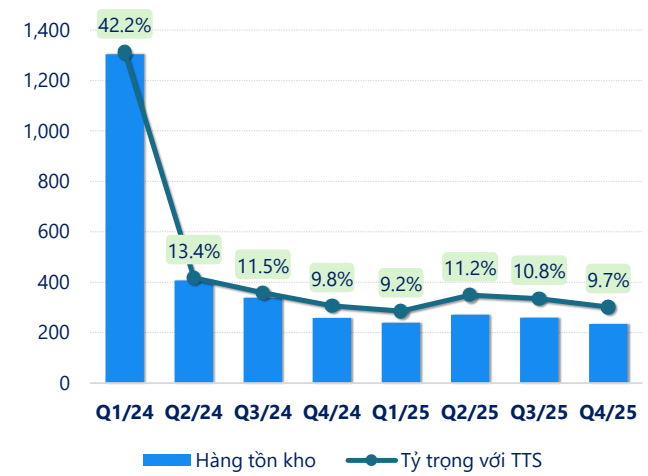


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


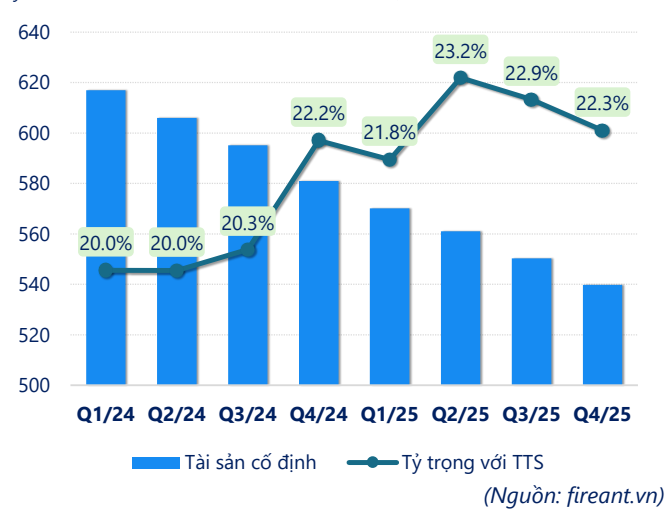
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


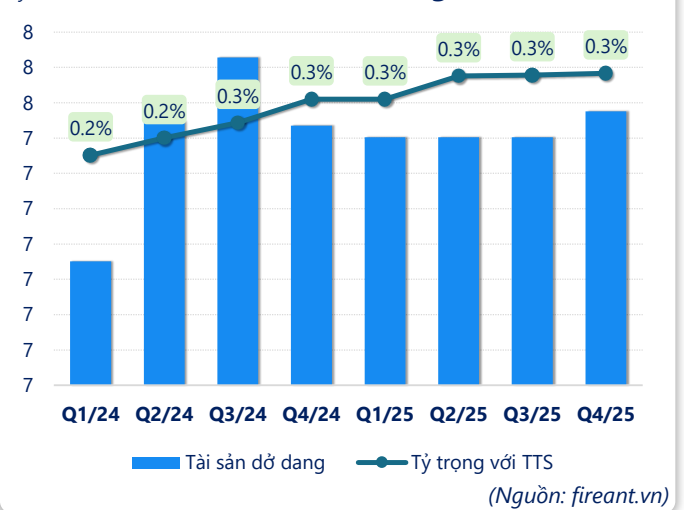
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

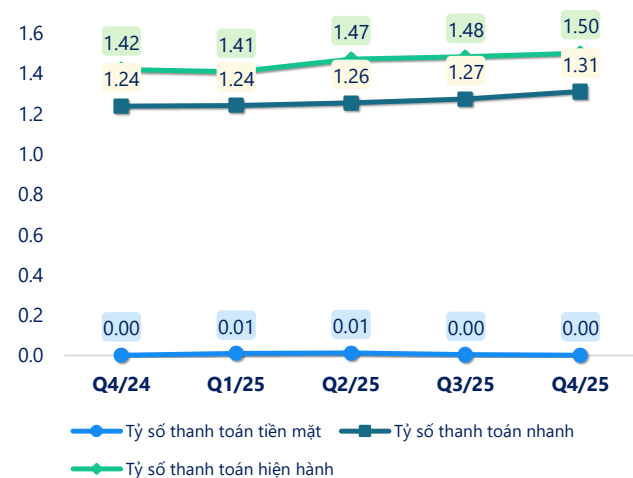
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

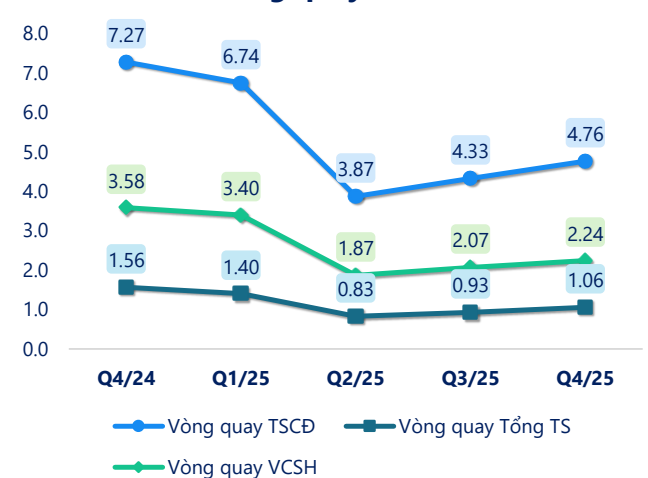
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,622	2,611	2,416	2,408	2,418
Tài sản ngắn hạn	2,016	2,016	1,830	1,834	1,854
Tiền và tương đương tiền	1.63	14.5	15.8	4.76	2.03
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,734	1,740	1,526	1,553	1,603
Hàng tồn kho	258	240	271	260	235
Tài sản ngắn hạn khác	22.0	22.2	17.5	16.0	14.6
Tài sản dài hạn	606	595	586	574	563
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	581	570	561	550	540
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.44	7.40	7.40	7.40	7.48
Đầu tư tài chính dài hạn	14.8	14.8	14.8	14.8	14.8
Tài sản dài hạn khác	2.70	2.72	2.38	2.53	2.21
Lợi thế thương mại	-0.11	-0.43	0	-1.09	-1.09
Nợ phải trả	1,424	1,435	1,246	1,237	1,236
Nợ ngắn hạn	1,419	1,430	1,242	1,235	1,234
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,298	1,069	1,163	1,225	1,157
Phải trả người bán ngắn hạn	8.11	13.5	12.2	2.31	9.52
Nợ dài hạn	5.43	4.46	3.40	1.46	1.46
Vay và nợ thuê dài hạn	4.17	3.13	2.09	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,198	1,176	1,170	1,171	1,182
Vốn chủ sở hữu	1,198	1,176	1,170	1,171	1,182
Vốn điều lệ	783	783	783	783	783
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)